

Bản án số 457/2024/DS-PT

Ngày 27-11-2024

V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 441/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 464/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Yến N, sinh năm 1999 (có mặt).

Bị đơn: Bà Ngô Kim T, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Khánh D, sinh năm 2003 (vắng mặt).

2. Bà Đoàn Thị Kim T1, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1948.

4. Ông Trần Văn G, sinh năm 1946.

Người đại diện theo ủy quyền của ông G và bà Đ: Anh Trần Văn N1, sinh năm 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Lê Thị Thúy N2, sinh năm 1954 (vắng mặt).

6. Ông Huỳnh Lục E, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

7. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Cẩm T2 – Chấp hành viên (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn G, bà Trương Thị Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Yến N trình bày:

Ông Trần Văn D1 và bà Ngô Kim T là cha, mẹ đẻ của chị. Cha, mẹ chị có hai người con ruột gồm chị và anh Trần Khánh D. Cha mẹ đẻ ông D1 là ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ. Ông D1 có cha mẹ nuôi là bà Lê Thị Thúy N2 và ông Huỳnh Lục E. Khi cha chị còn sống có một phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp D, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau diện tích 32.547m² do cha mẹ chị đứng tên quyền sử dụng đất. Ngày 19/10/2018, cha chị qua đời không để lại di chúc, sau khoảng 3 tháng mẹ chị đã bán toàn bộ phần đất của cha mẹ chị cho bà Đoàn Thị Kim T1 để trả nợ chung của cha mẹ chị nhưng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được sự đồng ý của hàng thừa kế thứ nhất của cha chị nên chị không đồng ý. Do phần đất của cha mẹ chị được cấp làm hai thửa và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 137 diện tích 1.059,0m² và thửa số 175 diện tích 32.547m² nên chị yêu cầu chia di sản thừa kế đối với ½ diện tích đất là di sản của cha chị cho hàng thừa kế thứ nhất của ông D1 gồm mẹ chị là bà T, ông bà nội là bà Trương Thị Đ và ông Trần Văn G cùng với chị anh D. Do phần đất mẹ chị đã chuyển nhượng do bà Đoàn Kim T1 đang quản lý nên chị N yêu cầu chia giá trị bằng tiền, chia cho bà T nhận 100.000.000 đồng, ông bà nội không có công sức đóng góp nên chia cho mỗi người nhận 50.000.000 đồng, riêng chị N và anh D do không có việc làm nên chia cho mỗi người 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị chia di sản thừa kế của ông D1 để lại theo quy định pháp luật. Chị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc và thẩm định giá.

Bị đơn, bà Ngô Kim T trình bày:

Năm 1998 bà T và ông D1 thành hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N vào ngày 14/8/2002. Quá trình chung sống đến năm 2016, vợ

chồng bà có nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị N3 phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 33.606,0m², thửa số 175, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp D, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau với số tiền 800.000.000 đồng, vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó vợ chồng bà đã làm thủ tục tách thành hai thửa liền kề là thửa số 137 diện tích 1.059,0m² và thửa số 175 diện tích 32.547m². Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/3/2017. Nguồn tiền chuyển nhượng đất là do vợ chồng tích lũy, vợ chồng mượn hụi của bà Trần Thị Đ1, bà Trần Thị D2 để trả. Ngày 19/10/2018 ông D1 qua đời không để lại di chúc. Sau khi ông D1 qua đời thì chi phí mai táng, trả nợ và lo ăn học cho hai con là chị N và anh D nên vào tháng 12 năm 2018, bà đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất của vợ chồng cho bà Đoàn Thị Kim T1 với số tiền 1.300.000.000 đồng để trả nợ chung của vợ chồng gồm nợ bà Trần Thị D2, bà Trần Thị Đ1, Ngân hàng N4 chi nhánh N5, các khoản nợ này khoảng 700 triệu đồng. Do bà T1 chỉ trả cho bà được 800.000.000 đồng thì phát sinh tranh chấp với hàng thừa kế thứ nhất của ông D1 nên bà không làm thủ tục sang tên qua cho bà T1 được, đất bà đã giao cho bà T1 quản lý sử dụng. Bà T1 nộp đơn khởi kiện bà T đến Tòa án nhân dân huyện Năm Căn yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T1 với bà T. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 04/01/2022 và Bản án dân sự phúc thẩm số 142/2022/DS-PT ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, buộc bà T trả tiền và bồi thường thiệt hại cho bà T1 số tiền 1.477.024.808 đồng, bà T1 có trách nhiệm giao trả phần đất và công trình kiến trúc có trên đất, giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T nhưng đến nay do bà T chưa thi hành khoản nợ này cho bà T1 nên phần đất mà chị N yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn do bà T1 quản lý. Bà T xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông D1 như chị N trình bày là đúng. Ngoài ra ông D1 còn có cha mẹ nuôi là cụ N2 và cụ Lục E.

Tại phiên tòa, bà T xác định bà T đã dùng số tiền 800.000.000 đồng từ bà T1 giao để trả nợ cho bà Trần Thị D2 số tiền 173.000.000 đồng và khoản nợ bà Trần Thị Đ1 số tiền 198.000.000 đồng là tiền mượn hụi hốt để mua đất của bà N3 trước đây, trả nợ Ngân hàng N4 chi nhánh huyện N5 số tiền gốc 250.000.000 đồng và nợ lãi 9.808.219 đồng, số tiền còn lại bà T đóng học phí cho chị N và anh D. Các khoản nợ bà D2, bà Đ1, nợ Ngân hàng bà T đã thanh toán vào năm 2019, nay bà T yêu cầu trừ số nợ này vào tài sản chung của vợ chồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị Kim T1 trình bày:

Phần đất nuôi trồng thủy sản hiện chị N yêu cầu chia thừa kế do bà T1 đang quản lý. Bà T1 quản lý phần đất này từ khoảng tháng 12 năm 2018 đến nay do bà

T1 nhận chuyển nhượng phần đất của bà T với giá 1.300.000.000 đồng, bà T1 đã giao cho bà T số tiền 800.000.000 đồng, nhưng do bà T không lập thủ tục sang tên cho bà T1 nên giữa bà T1 và bà T phát sinh tranh chấp và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết buộc bà T trả cho bà T1 số tiền 1.477.024.808 đồng nhưng đến nay bà T chưa thi hành khoản nợ này cho bà T1 nên bà T1 vẫn đang quản lý sử dụng đất. Nay chị N yêu cầu chia di sản thừa kế đất của ông D1 đối với ½ diện tích đất thì bà T1 không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ trình bày:

Ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ là cha, mẹ ruột của ông D1. Ông, bà thống nhất với lời trình bày của chị N về di sản thừa kế do ông D1 để lại. Ông, bà xác định ông D1 không có cha mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng. Chị N yêu cầu Tòa án chia cho ông, bà mỗi người nhận 50.000.000 đồng thì ông, bà không đồng ý. Ông, bà có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là toàn bộ phần đất của ông Trần Văn D1 để lại theo quy định pháp luật và yêu cầu giao 02 kỹ phần thừa kế bằng đất cho ông, bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Khánh D trình bày: Cha anh là ông Trần Văn D1 chết không để lại di chúc. Anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Thị Thúy N2 và bà Huỳnh Lọc E trình bày: Ông bà không có làm thủ tục pháp lý nhận ông D1 là con nuôi, giữa ông bà và ông D1 không tồn tại mối quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N thì ông, bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn trình bày:

Bản án số 142/2022/DS-PT ngày 16/6/2022 đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn thụ lý thi hành theo Quyết định Thi hành án chủ động số 565/QĐ-CCTHADS ngày 18/7/2022 và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu của bà Đoàn Thị Kim T1 số 530/QĐ-CCTHADS ngày 06/7/2022. Sau khi thực hiện các thủ tục thông báo, thỏa thuận và xác minh điều kiện thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn đã ban hành Quyết định hoãn Thi hành án số 07 và 08/QĐ-CCTHADS ngày 28/8/2023, do các tài sản đảm bảo thi hành án đang được Tòa án nhân dân huyện Năm Căn thụ lý giải quyết. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản thửa 175, diện tích 32.3547,0m² và thửa liền kề số 137 diện tích 1.059,0m² tọa lạc ấp D, xã H, huyện N, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn đã ban hành Quyết định kê biên tài sản số 34/QĐ-CCTHADS

ngày 14/8/2020 để thi hành cho Quyết định số 08/2020/QĐST-DS ngày 21/01/2020, 10/2020/QĐST-DS ngày 22/01/2020 và 08/2020/QĐST-DS ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Yến N về việc chia di sản thừa kế của ông Trần Văn D1 01 kỷ phần thừa kế số tiền là 104.570.723 đồng. Buộc bà Ngô Kim T có trách nhiệm giao trả cho chị Trần Thị Yến N số tiền 104.570.723 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ về việc chia di sản thừa kế của ông Trần Văn D1 01 kỷ phần thừa kế số tiền là 104.570.723 đồng. Buộc bà Ngô Kim T có trách nhiệm giao trả cho ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ mỗi người số tiền 104.570.723 đồng.

- Giao cho bà T tạm quản lý 01 kỷ phần thừa kế của anh D giá trị 104.570.723 đồng. Anh D3 có quyền thỏa thuận với bà T để nhận 01 kỷ phần thừa kế, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, ông Trần Văn G, bà Trương Thị Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu chia thừa kế cho ông bà bằng đất, không đồng ý nhận tiền giá trị đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn G, bà Trương Thị Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy, di sản thừa kế của ông Trần Văn D1 là phần đất do ông D1

và bà T được được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2017. Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.059,0m² thuộc thửa số 137 và một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 32.547m² thuộc thửa 175. Theo đo đạc thực tế thửa số 137 có diện tích là 762,1m² và thửa 175 có diện tích là 32.319,6m², tổng diện tích thực tế hai thửa đất liền kề là 33.081,7m². Vào ngày 19/10/2018, ông D1 qua đời không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông D1 được xác định là ông G và bà Đ là cha mẹ ông D1, bà T là vợ ông D1 cùng hai con ông D1, bà T là chị N và anh K. Tuy nhiên, bà T là người trực tiếp quản lý đất của bà T và ông D1. Khi ông D1 qua đời, bà T là người trực tiếp lo mai táng phí, trả các khoản nợ chung của bà T và ông D1 và chi phí cho chị N và anh K ăn học. Do đó, phần di sản của ông D1 còn lại không thể là toàn bộ diện tích đất mà ông D1 qua đời để lại.

[3] Tại hồ sơ thể hiện phần đất của ông D1 và bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T đã chuyển nhượng cho bà T1 với giá 1.300.000.000 đồng nhưng bà T mới nhận cọc 800.000.000 đồng thì phát sinh tranh chấp do những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D1 ngăn cản không cho bà T chuyển nhượng đất. Việc bà T1 kiện bà T để yêu cầu bồi thường thiệt hại buộc bà T trả cho bà T1 số tiền 800.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại tổng cộng là 1.477.024.808 đồng. Tại hồ sơ thể hiện số tiền bà T nhận cọc của bà T1 800.000.000 đồng, bà T đã trả nợ chung của vợ chồng gồm nợ Ngân hàng N4 chi nhánh huyện N5. Theo văn bản cung cấp thông tin vào ngày 16/8/2017 khách hàng Trần Văn D1 có ký kết hợp đồng số 7509-LAV-201702592/HĐTD ngày 16/8/2017 để vay vốn gốc là 250.000.000 đồng, đến ngày 26/9/2018 thì được tắt toán và tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng mới số 7509-LAV-201803103/HĐTD để vay tiếp vốn gốc 250.000.000 đồng, đến ngày 12/8/2019 bà T tắt toán với số tổng số tiền gốc và lãi là 259.808.219 đồng. Đối với khoản nợ của bà Trần Thị Đ1 và bà Trần Thị D2 xác nhận đầu năm 2019 bà T có trả cho bà Đ1 số tiền 198.000.000 đồng, trả cho bà D2 số tiền 173.000.000 đồng. Như vậy, khoản nợ bà D2, bà Đ1, khoản nợ ngân hàng tổng cộng 630.808.219 đồng là nợ chung của gia đình ông D1, bà T và là nghĩa vụ về tài sản của ông D1.

[4] Do những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất ngăn cản việc bà T chuyển nhượng đất cho bà T1 nên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 04/01/2022 và Bản án dân sự phúc thẩm số 142/2022/DS-PT ngày 16/6/2022, buộc bà T trả cho bà T1 số tiền 1.477.024.808 đồng, bà T1 có trách nhiệm giao trả phần đất và công trình kiến trúc có trên đất, giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T nhưng đến nay do bà T chưa thi hành khoản nợ này cho bà T1. Theo Quyết định kê biên tài sản số 34/QĐ-CCTHADS ngày 14/8/2020 để thi hành án

cho bà T1 nên ông G, bà Đ yêu cầu chia thừa kế là tài sản là đất đang bị kê biên để thi hành án để chia di sản thừa kế của ông D1 cho ông G và bà Đ bằng một phần diện tích đất là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 1212.1/2023/CT-CityLand/CM ngày 22/3/2024 của Công ty TNHH T4 và tổng di sản của ông D1 được đưa ra phân chia là 16.540,85m² đất trị giá bằng 942.828.450 đồng, trừ nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại 315.404.109 đồng, còn lại 627.424.341 đồng được đưa ra phân chia thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D1 là bà Đ, ông G, chị T, chị N và anh K. Bản án sơ thẩm đã chia cho ông G và bà Đ mỗi người 104.570.723 đồng là có cơ sở.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông G và bà Đ không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông G và bà Đ về việc yêu cầu chia thừa kế bằng đất.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn G, bà Trương Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1- Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn G, bà Trương Thị Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Yến N về việc chia di sản thừa kế của ông Trần Văn D1 01 kỷ phần thừa kế số tiền là 104.570.723 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ về việc chia di sản thừa kế của ông Trần Văn D1. Ông G và bà Đ mỗi người được chia 01 kỷ phần thừa kế với số tiền là 104.570.723 đồng.

- Buộc bà Ngô Kim T có trách nhiệm giao cho chị Trần Thị Yến N, ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ, mỗi người số tiền 104.570.723 đồng.

- Giao cho bà T tạm quản lý 01 kỷ phần thừa kế của anh D3 giá trị 104.570.723 đồng. Anh D3 có quyền thỏa thuận với bà T để nhận 01 kỷ phần thừa kế, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 20.460.000 đồng chị N tự nguyện chịu toàn bộ. Chị N đã nộp đủ.

Kể từ ngày những người được thi hành án có đơn yêu cầu, trường hợp những người phải thi hành án đối với khoản tiền thuộc về nghĩa vụ thanh toán của mình mà chậm thanh toán thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Yến N phải chịu án phí có giá ngạch là 5.228.536 đồng. Ngày 13/7/2023, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0016196 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ. Chị N được nhận lại số tiền 4.771.464 đồng.

- Miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn G và bà Trương Thị Đ được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan

